

Số *211* /TTr-STNMT

Điện Biên, ngày *29* tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình:
Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở khu C13,
phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ.**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 210/HĐND-KTNS ngày 20/9/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở khu C13, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Văn bản số 2757/UBND-TH ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc triển khai dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở khu C13, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch chi tiết khu tái định cư thủy điện Sơn La gắn với trung tâm phường Thanh Trường (Khu vực UBND phường) để tái định cư Quốc lộ 12 tại phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 14/06/2019 của UBND thành phố Điện Biên phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, khu tái định cư thủy điện Sơn La gắn với trung tâm phường Thanh Trường để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở khu C13, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Công văn số 1017/SXD-HTKT, QLNB&BDS ngày 16/7/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên về việc đề nghị hoàn thiện hồ sơ Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng để đấu giá đất ở khu C13, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ;

- TCN-20-2006: Quy phạm trang bị điện về Trang bị phân phối & trạm biến áp
- TCN-21-2006: Quy phạm trang bị điện về Bảo vệ và tự động
- QCVN 01:2008/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện, mã số
- QCVN QTĐ5:2008/BCT - Tập5: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện, mã số - Tập 5 - Kiểm định trang thiết bị hệ thống điện
- QCVN QTĐ6:2008/BCT - Tập 6: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện, mã số - Tập 6 - Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện
- QCVN QTĐ7:2008/BCT - Tập 7: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện, mã số - Tập 7 - Thi công các công trình điện
- QCVNQTĐ8:2010/BCT - Tập 8: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện, mã số - Tập 8 - Quy chuẩn kỹ thuật điện hạ áp;
- TCXDVN 333:2005: Chiều sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế

c) Tiêu chuẩn IEC

- IEC 38: Điện áp tiêu chuẩn IEC
- IEC 62271-100: Máy cắt điện xoay chiều cao áp
- IEC 71: Phối hợp cách điện
- IEC 99-4: Chống sét van oxit kim loại không khe hở cho hệ thống điện xoay chiều
- IEC 60044: Biến điện áp và Biến dòng điện
- IEC 189: Cáp và dây dẫn tần số thấp, cách điện PVC và vỏ bọc PVC
- IEC 383: Cách điện dùng cho đường dây điện trên không có điện áp danh định trên 1000V
- TCVN 2737-95: Tiêu chuẩn thiết kế. Áp lực gió tính ở độ cao cơ sở 16m là $Q=55 \text{ daN/m}^2$
- TCXDVN 259 : 2001: Tiêu chuẩn để thiết kế bê tông, ống luồn cáp điện tại những vị trí không nằm trong hào kỹ thuật, tiêu chuẩn cát lấp cáp điện
- TCXDVN 259:2001: Tiêu chuẩn thiết kế chiều sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị
- TCVN 9070:2012: Ống nhựa gân xoắn HDPE
- TCVN 394:2007: Thiết kế lắp đặt trang bị điện trong công trình xây dựng – Phần an toàn

Các tiêu chuẩn khác liên quan...

11. Nhà thầu lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng Việt Á.

12. Quy mô dự án:

Quy mô dự án bao gồm toàn bộ giao thông, hạ tầng kỹ thuật trong ranh giới dự án với tổng diện tích đất xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu tư quyền sử dụng đất ở khu C13 phường Thanh Trường là 3,1717 ha:

Các hạng mục tư vấn thiết kế bao gồm:

- + San nền;
- + Đường giao thông (gồm cả cây xanh dọc tuyến);
- + Cấp nước;
- + Thoát nước thải;
- + Thoát nước mưa;
- + Hệ thống điện chiếu sáng, điện sinh hoạt;

Khớp nối hạ tầng kỹ thuật đồng bộ về các hệ thống: giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện trung hạ thế, chiếu sáng.

a) San nền:

- Hướng dốc: Lấy suối C13 là nơi tụ thủy, hướng dốc san nền theo hướng từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông với hướng mặt bằng dốc về suối C13.
- Trong mỗi lô, hướng dốc san nền được phân ra các phía và đổ về các trục đường bao quanh lô đất.
- Độ dốc san nền được khống chế $i = 0.4 - 1.0\%$ để đảm bảo thoát nước tự nhiên.
- Chia thành các lô nhỏ để thiết kế cao độ san nền gồm 05 lô, từ lô: L0-1, L0-2, ... L0-5.

* Giai đoạn 1:

- + Cao độ trung bình L0-3: + 481.95m
- + Cao độ trung bình L0-4: + 481.90m
- + Cao độ trung bình L0-5: + 482.00m

* Giai đoạn 2:

- + Cao độ trung bình L0-1: + 482.85m
- + Cao độ trung bình L0-2: + 482.35m

- Cao độ san nền tại vị trí mép hè đường giao thông sẽ được vượt nối đến cao độ hoàn thiện.

b) Đường giao thông:

b.1. Đường cấp nội bộ:

- * Giai đoạn 1: đầu tư xây dựng các tuyến đường từ RD01 đến RD05.
- * Giai đoạn 2: đầu tư xây dựng các tuyến đường từ RD06 đến RD07.
- + Tuyến RD01: là tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch có chiều dài $L=175,58\text{m}$ (chiều dài làm mới); chiều rộng nền đường $B_n=13,50\text{ m}$;
- + Tuyến RD02: là tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch có chiều dài $L=28,68\text{m}$ (chiều dài làm mới); chiều rộng nền đường $B_n=10,50\text{ m}$;

+ Tuyến RD03: là tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch có chiều dài $L=155,88\text{m}$; chiều rộng nền đường $B_n=15,00\text{ m}$;

+ Tuyến RD04: là tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch có chiều dài $L=85,57\text{m}$; chiều rộng nền đường $B_n=15,00\text{ m}$;

+ Tuyến RD05: là tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch có chiều dài $L=184,87\text{m}$; chiều rộng nền đường $B_n=15,00\text{ m}$;

+ Tuyến RD06: là tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch có chiều dài $L=141,27\text{m}$; chiều rộng nền đường $B_n=13,00\text{ m}$;

+ Tuyến RD07: là tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch có chiều dài $L=193,38\text{m}$; chiều rộng nền đường $B_n=13,50\text{ m}$;

* Các thông số trên mặt cắt ngang được thiết kế như sau:

- Độ dốc ngang mặt đường: 1.5%.

- Độ dốc ngang hè đường là: 2%.

- Độ dốc ngang rãnh đan là: 6%

* Quy mô mặt cắt ngang của các tuyến đường giao thông trong dự án có các loại mặt cắt như sau:

- Tuyến đường RD01.

+ Mặt đường	7.50m
+ Hè hai bên	2 x 3.00m
+ Chỉ giới đường đỏ	13.50m

- Tuyến đường RD02.

+ Mặt đường	5.50m
+ Hè hai bên	2 x 2.50m
+ Chỉ giới đường đỏ	10.50m

- Tuyến đường RD03.

+ Mặt đường	7.00m
+ Hè hai bên	2 x 4.00m
+ Chỉ giới đường đỏ	15.00m

- Tuyến đường RD04.

+ Mặt đường	7.00m
+ Hè hai bên	2 x 4.00m
+ Chỉ giới đường đỏ	15.00m

- Tuyến đường RD05.

+ Mặt đường	7.00m
+ Hè hai bên	2 x 4.00m
+ Chỉ giới đường đỏ	15.00m

- Tuyến đường RD06.

+ Mặt đường	7.00m
+ Hè hai bên	2 x 3.0m
+ Chỉ giới đường đỏ	13.00m

- Tuyến đường RD07.

+ Mặt đường	7.50m
+ Hè hai bên	2 x 3.00m
+ Chỉ giới đường đỏ	13.50m

b.2. Thiết kế cấu tạo áo đường

* KCAĐ mềm: $E_{yc} = 120 \text{ Mpa}$

- + 7cm lớp BTN hạt trung;
- + Tưới nhựa thấm bán 1.0 kg/m^2 ;
- + 15cm cấp phối đá dăm A;
- + 18cm cấp phối đá dăm B;
- + 30cm cấp phối đồi đầm chặt K98;
- + Nền đường đầm chặt K95.

* KCAĐ cứng

- + 25cm BTXM M300;
- + 15cm cấp phối đá dăm gia cố 5% xi măng;
- + 30cm đất cấp phối đồi đầm chặt K98;
- + Nền đường đầm chặt K95.

* Kết cấu vỉa hè

- Đất nền đầm chặt $K=0.95$ dày 30cm;
- BTXM M150 dày 05cm;
- Lớp vữa M100 dày 2cm;
- Gạch Terazzo: $30 \times 30 \times 3 \text{ cm}$.

* Bó vỉa:

- Bó vỉa BT M200 kích thước $23 \times 26 \text{ cm}$.
- Áp dụng cho toàn tuyến vỉa hè, bó vỉa BT M200 vát cạnh KT $23 \times 26 \text{ cm}$ trên lớp vữa M100 dày 2cm,, móng BT M100 dày 10cm.

* Bó hè:

- Xây gạch chỉ VXM M75 trên lớp đệm VXM M50 (hoặc BT M100).

* Rãnh tam giác:

- Rãnh tam giác BT M200
- Kích thước: $50 \times 30 \times 10 \text{ cm}$
- Độ dốc ngang đan rãnh thiết kế là 6%.

* Cây xanh, bồn cây vỉa hè thiết kế đồng bộ, hoàn chỉnh.

b.3. Hào kỹ thuật:

* Giai đoạn 1: phạm vi đầu tư trên các tuyến RD01, RD02, RD03, RD04, RD05.

* Giai đoạn 2: phạm vi đầu tư trên các tuyến RD06, RD07.

* Tuyến RD03, RD04, RD05

Xây dựng ngầm dưới phạm vi hè đường.

Kết cấu sử dụng : Hào kỹ thuật (BTCS thành mỏng) trên hè kích thước 950mmx550mm (1010mmx620mm đối với hào qua đường), đặt trên lớp đệm bê tông M100 dày 10cm; chia thành 3 ngăn để lắp đặt các hạng mục như: điện, cấp nước, viễn thông cho dự án, Nắp của hào bằng tấm đan bê tông cốt thép thành mỏng chịu lực để ngăn nước chảy từ bên ngoài vào bên trong hào. Hào được đặt dưới vỉa hè cách mặt vỉa hè khoảng 0,4m. Tại các vị trí chuyển hướng hoặc trung bình 30m hệ thống hào được đầu nối với nhau bằng các hố ga kỹ thuật..

* Tuyến còn lại

Xây dựng ngầm dưới phạm vi hè đường.

Kết cấu sử dụng : Bó 04 ống HDPE D110 kết hợp 01 ống HDPE D160 chêm chèn bê tông M200 có bố trí lưới thép D8, dưới đệm vỉa xi măng M100 dày 3cm. Vị trí qua đường phía ngoài chêm chèn bằng BTXM M200 có bố trí lưới thép D8 (KT : 540x380mm), đặt trên lớp đệm vỉa dày 3cm.

* Giếng thăm HKT:

Bố trí giếng thăm HKT với khoảng cách giữa các giếng thăm trung bình 30m/1 giếng. Giếng thăm HKT thành mỏng bằng BTCS M300, kích thước 1550mmx1500mm, thành dày 15cm trên lớp đệm bê tông M100 dày 10cm; Tấm đáy bằng BTCT đúc sẵn dày 10cm; Giếng thăm HKT bó ống bằng gạch chỉ xây vỉa xi măng M100, trát vỉa M75 thành trong, bản đáy bằng BTCT M250 đúc sẵn dày 10cm.

b.4. Kè gia cố:

* Giai đoạn 1:

- Kè Loại 4: H = 4.0m; L₄ = 26.00m;

Phạm vi: Tuyến RD05: 26m;

* Giai đoạn 2:

- Kè Loại 2: H = 2.0m; L₂ = 11.00m

Phạm vi: Tuyến RD06: 11m.

- Kè Loại 3: H = 3.0m; L₃ = 41.00m

Phạm vi: Tuyến RD06: 23m; tuyến RD07: 18m.

- Kè Loại 4: H = 4.0m; L₄ = 18.00m

Phạm vi: Tuyến RD07: 18m.

* Kết cấu: Móng và thân kè BT M150 đá 2x4 độn 05% đá hộc, bên dưới là lớp bê tông lót M100 dày 10cm;

c) Cấp nước:

- Thiết kế tuyến ống chính D110 lấy nước từ đường ống D200 của thành phố chạy trên QL12.

- Đường ống D110 được thiết kế theo kiểu mạng lưới vòng, dẫn nước đến các khu dân cư, các trụ cứu hỏa và đến các điểm đầu nối theo định hướng phát triển mở rộng của đô thị trong tương lai.

- Tại các khu dân cư thiết kế đường ống cấp nước D50 đầu nối trực tiếp với đường ống D110. Các đường ống này thiết kế theo kiểu mạng cụt, từ đó đầu nối với đồng hồ và cấp nước vào các bể chứa, téc nước của từng hộ dân cư.

* Giai đoạn 1: Đầu tư các tuyến:

- Tuyến T1: Đường ống HDPE DN110 (L=435m)

- Tuyến T2: Đường ống HDPE DN110 (L=215m)

- Tuyến ống dịch vụ số 04: Đường ống HDPE DN50 (L=159m)

- Tuyến ống dịch vụ số 05: Đường ống HDPE DN50 (L=137m)

- Tuyến ống dịch vụ số 06: Đường ống HDPE DN50 (L=148m)

- Tuyến ống dịch vụ số 07: Đường ống HDPE DN50 (L=155m)

- Tuyến ống dịch vụ số 08: Đường ống HDPE DN50 (L=155m)

Và các thiết bị, phụ kiện đi kèm.

* Giai đoạn 2:

- Tuyến ống dịch vụ số 01: Đường ống HDPE DN50 (L=34m)

- Tuyến ống dịch vụ số 02: Đường ống HDPE DN50 (L=95m)

Và các thiết bị, phụ kiện đi kèm.

d) Thoát nước thải:

- Hướng thoát nước chính Đông Bắc – Tây Nam, nước thải từ các hộ gia đình, các công trình trong khu vực dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào mạng lưới thoát nước thải của dự án sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ.

- Hệ thống thoát nước tự chảy có đường kính D250 bằng HDPE và công qua đường BTCT D300, độ dốc tối thiểu $i=1/d$ (0.3% :- 0.4%).

- Trên tuyến công thoát nước thải bố trí hệ thống hố ga với khoảng cách tối đa 30m/ 1 hố ga. Khoảng cách sẽ được điều chỉnh theo thực tế cho phù hợp, đảm bảo cho việc đầu nối tránh giao cắt với các công trình hạ tầng khác.

- Kết cấu hố ga: bê tông lót M100 dày 10cm, đáy BTCT M200, thành xây gạch vxm M75, nắp tấm đan BTCT M200 dày 10cm.

* Giai đoạn 1: Đầu tư hệ thống thoát nước thải dọc các tuyến đường RD01, RD02, RD03, RD04, RD05.

- Ống HDPE D250 (L=1011,94m)

- Công BTCT D300 (L=176,25m)

- Hố ga 400x400 (48 ck); hố ga 600x600 (30 ck).

* Giai đoạn 2: Đầu tư hệ thống thoát nước thải dọc các tuyến đường RD06, RD07.

- Ống HDPE D250 (L=326,6m)
- Cống BTCT D300 (L=49,75m)
- Hồ ga 400x400 (30 ck).

e) Thoát nước mưa:

* Tuyến RD03, RD04, RD05:

- Xây dựng ngầm hai bên hè đường rãnh hộp KT 60x80cm, qua đường cống BTCT đường kính D600. Riêng bên hè trái tuyến RD03 và RD05 lắp dựng ống cống BTCT D1500 đầu nối với cống thoát nước hiện có đổ ra suối C13 qua cửa xả.

- Kết cấu sử dụng : Rãnh BTCT M250 đáy dày 15cm, thành dày 15cm, đặt trên lớp bê tông lót M100 dày 10cm, tấm đan BTCT M250 dày 12.5cm.

* Tuyến còn lại:

- Xây dựng ngầm hai bên hè đường rãnh hộp KT 40x60cm., qua đường cống BTCT đường kính D600.

- Kết cấu sử dụng: Rãnh BTCT M250 đáy dày 15cm, thành dày 12cm, đặt trên lớp bê tông lót M100 dày 10cm, tấm đan BTCT M250 dày 10cm.

* Giai đoạn 1: Phạm vi đầu tư dọc các tuyến đường RD01, RD02, RD03, RD04, RD05.

- Rãnh BTCT 40x60cm: L=658m. Hồ ga RH 40x60cm: SL=30.

- Rãnh BTCT 60x80cm: L=417m. Hồ ga RH 60x80cm: SL=35.

- Ống cống BTCT D600: L=88m.

- Ống cống D1500: L=308m. Hồ ga: SL=15.

* Giai đoạn 2: Phạm vi đầu tư dọc các tuyến đường RD06, RD07.

- Rãnh BTCT 40x60cm: L=433m. Hồ ga RH 40x60cm: SL=22.

- Ống cống BTCT D600: L=62m.

- Cống hộp 200x300cm: L=6m.

f) Hệ thống điện chiếu sáng, điện sinh hoạt:

* Giai đoạn 1:

+ Phân đường dây 22kV:

- Đầu nối: Tại cột 47 lộ 473E21.2 NR Thanh Bình

- Đặc điểm: Đường dây 22kV đi ngầm được bảo vệ đi trong rãnh cáp ngầm kỹ thuật.

- Cấp điện áp : 22kV.
- Tổng chiều dài : 229m.

+ Phần trạm biến áp: 01 TBA

- Tổng số trạm biến áp xây dựng mới gồm 01 trạm có cấp điện áp 22/0,4kV.

- Dung lượng TBA khu đô thị C13: 320kVA.

- Số pha: 03 pha.

- Kiểu trạm: Trạm 1 trụ hợp bộ tủ trung, hạ thế.

- TBA khu đô thị C13: 01 Trụ đỡ máy MBA 320kVA – 22/0,4 kV hợp bộ tủ trung, hạ thế 500A – 600V 3lộ ra, trụ đỡ đồng bộ với Nắp chụp đầu cực MBA và máng cáp Cao – Hạ áp phù hợp với công suất MBA 320 kVA – 22/0,4 kV.

- Trụ đỡ MBA hợp bộ được chế tạo bằng thép tấm và tôn Zam sơn tĩnh điện ngoài trời (Chịu được tia cực tím), tủ RMU được đặt phía trên tủ hạ thế nhằm giảm diện tích chiếm đất khi xây dựng TBA, 2 cánh trước và sau tủ để mở khi thao tác vận hành ngăn trung thế và hạ thế.

- Cấp bảo vệ của trụ đỡ MBA Hợp bộ IP54

- Các cửa thông gió có các bộ phận ngăn không cho các vật thể lạ xâm nhập từ bên ngoài vào.

- Có khả năng chống hắt nước mưa vào theo mọi hướng

- Tủ hạ thế có khoang chống tổn thất điện năng, có 2 lớp cánh gồm lớp bảo vệ ngoài và lớp chống tiếp cận thiết bị có mang điện.

+ Phần đường dây DDK-0,4kV.

- Tổng chiều dài toàn tuyến sau TBA khu C13 (xây dựng mới): 1066m

Trong đó:

Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x50mm²+1x35mm²: 761m

Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x70mm²+1x50mm²: 168m

Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x95mm²+1x70mm²: 137m

- Có đai thép bảo vệ.

- Số mạch: 03

- Tủ phân phối hạ thế đặt trên vỉa hè cấp điện cho các hộ dân: 20 tủ.

- Móng cột được đổ tại chỗ bằng bê tông mác 200#.

+ Phần đường dây chiếu sáng:

- Tuyến đường dây chiếu sáng sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3x25+1x16: 1067 m cùng phụ kiện kèm theo.

- Đèn chiếu sáng sử dụng cột đèn tròn côn 8m: 32 cột

- Tuyến đường dây chiếu sáng trang trí đi ngầm trong rãnh kỹ thuật sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10, phụ kiện kèm theo.

* Giai đoạn 2:

+ Phần đường dây 0,4kV:

- Tổng chiều dài toàn tuyến sau TBA khu đô thị C13 (xây dựng mới): 286m trong đó:

Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x50mm²+1x35mm²: 141m

Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x70mm²+1x50mm²: 39m

Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x95mm²+1x70mm²: 106m

- Số mạch: 03

- Tủ phân phối hạ thế đặt trên vỉa hè cấp điện cho các hộ dân: 05 tủ.

- Móng cột được đổ tại chỗ bằng bê tông mác 200#.

+ Phần đường dây chiếu sáng:

- Tuyến đường dây chiếu sáng sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3x25+1x16: 328 m cùng phụ kiện kèm theo.

- Đèn chiếu sáng sử dụng cột đèn tròn côn 8m: 11 cột kèm phụ kiện kèm theo

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Văn bản số 210/HĐND-KTKS ngày 20/9/2018 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;

- Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 14/06/2019 của UBND thành phố Điện Biên phủ Phê duyệt thiết kế điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thủy điện Sơn La gắn với trung tâm phường Thanh Trường thành phố Điện Biên Phủ

- Quyết định số 187a /QĐ-STNMT ngày 16/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở khu C13, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ;

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh dự án đầu tư (bao gồm tổng mức đầu tư);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Sở Xây Dựng thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở khu C13, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngôn Ngọc Khuê